

Developing Physical Education contents for students with weaker health at Quy Nhon University

Nguyen Sy Duc*, Bui Van Kien, Nguyen Ngoc Chau

Department of Physical Education, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 16/10/2023; Revised: 06/03/2024;

Accepted: 08/03/2024; Published: 28/08/2024

ABSTRACT

The current Physical Education courses at Quy Nhon University (QNU) is a mass program for non-major students. There has not yet been a system of fully applied research-based exercises that is suitable for different groups of students. Based on the practice of teaching and learning Physical Education at Quy Nhon University, there is a group of 565 students (94 male, 471 female) with weaker health such as those with rapid or low pulses or with limb defects which are confirmed by their medical results after check-ups at the beginning of the academic year or from officially-certified health agencies. This fact required appropriate activities for those students so as to avoid strong and dangerous physical activities that may negatively affect them. Therefore, chess is chosen for these groups of students, including 03 credits, each of which has 30 periods of teaching.

Keywords: *Quy Nhon University, building course contents, physical education, weak health, students.*

**Corresponding author:*

Email: nguyensyduc@qnu.edu.vn

Xây dựng nội dung học phần Giáo dục thể chất cho sinh viên sức khỏe yếu Trường Đại học Quy Nhơn

Nguyễn Sỹ Đức*, Bùi Văn Kiên, Nguyễn Ngọc Châu

Khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 16/10/2023; Ngày sửa bài: 06/03/2024;

Ngày nhận đăng: 08/03/2024; Ngày xuất bản: 28/08/2024

TÓM TẮT

Chương trình học phần giáo dục thể chất của Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN) hiện nay là chương trình đại trà cho sinh viên không chuyên, chưa xây dựng được hệ thống các bài tập ứng dụng đầy đủ và có cơ sở khoa học, phù hợp với đặc điểm, đối tượng tập luyện và các bài tập kỹ năng vận động khác nhau. Trên cơ sở đánh giá thực trạng giảng dạy và học tập môn học Giáo dục thể chất (GDTC) tại Trường ĐHQN và thống kê số liệu khám sức khỏe đầu năm học, bài viết đã xác định được 565 (94 nam, 471 nữ) sinh viên có sức khỏe yếu (SKY) là các sinh viên khi khám sức khỏe đầu năm học tại Trường ĐHQN hoặc có xác nhận của các cơ quan y tế có thẩm quyền bị tật mạch nhanh hoặc chậm và các sinh viên bị tật về chân, tay mà theo khuyến cáo của các bác sĩ là cần hạn chế vận động. Từ đó xây dựng nội dung học phần GDTC cho sinh viên nhóm SKY của Trường ĐHQN bao gồm 03 tín chỉ, mỗi tín chỉ 30 tiết theo hướng lựa chọn môn thể thao phù hợp là môn Cờ Vua, hạn chế các hoạt động vận động mạnh, nguy hiểm gây ảnh hưởng không tốt đến đối tượng là sinh viên SKY.

Từ khóa: Trường Đại học Quy Nhơn, xây dựng nội dung học phần, giáo dục thể chất, sức khỏe yếu, sinh viên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định Chương trình môn học Giáo dục thể chất (GDTC) thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học thì khối lượng kiến thức của chương trình môn học GDTC mà người học cần tích lũy tối thiểu là ba (03) tín chỉ. Cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể khối lượng kiến thức môn học này phù hợp với yêu cầu của từng ngành đào tạo. Người học là người khuyết tật hoặc không đủ sức khỏe học một số nội dung trong chương trình môn học GDTC được xem xét miễn, giảm những nội dung không phù hợp hoặc được học các nội dung thay thế phù hợp. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định cụ

thể việc miễn, giảm và quy định các nội dung học tập thay thế đối với người khuyết tật, người không đủ sức khỏe học tập.

Thực tiễn cho thấy còn nhiều yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả công tác giảng dạy và học tập môn học GDTC như: sự quan tâm của lãnh đạo Nhà trường, nội dung chương trình đào tạo, điều kiện cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ, các phương tiện giảng dạy,...¹⁻⁵

Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN) đã tiến hành triển khai chương trình giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên theo hướng tự chọn, người học được chọn các môn thể thao yêu thích, qua đó nâng cao thể chất của người học và chất lượng công tác GDTC của Nhà trường.³ Tuy

*Tác giả liên hệ chính.

Email: nguyensyduc@qnu.edu.vn

nhiên Khoa GDTC – Trường ĐHQN chỉ mới xây dựng được chương trình học phần GDTC đại trà cho sinh viên không chuyên,³ chưa xây dựng được hệ thống các bài tập ứng dụng trong giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên SKY một cách đầy đủ và có cơ sở khoa học, phù hợp với đặc điểm, đối tượng tập luyện và các bài tập kỹ năng vận động khác nhau. Trong quá trình giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên SKY, các giảng viên trên cơ sở kinh nghiệm của bản thân đúc rút từ quá trình giảng dạy đã giảm lượng vận động của các bài tập cho đối tượng đại trà. Vì vậy, việc áp dụng các bài tập giảng dạy cho sinh viên SKY còn thiếu tính thống nhất, thiếu đồng bộ, hiệu quả ứng dụng còn thấp.

Hiện nay, rất nhiều cơ sở giáo dục đại học đã áp dụng chương trình GDTC cho đa dạng các đối tượng sinh viên như Đại học Đà Nẵng có chương trình GDTC nâng cao, đại trà và cho sinh viên có SKY, Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thái Nguyên... cũng đã có Chương trình GDTC đại trà và GDTC cho sinh viên SKY.

Từ những vấn đề trên cho thấy việc xây dựng nội dung môn học GDTC cho sinh viên nhóm SKY của Trường ĐHQN theo hướng lựa chọn môn thể thao phù hợp, hạn chế các hoạt động vận động mạnh, nguy hiểm gây ảnh hưởng không tốt đến đối tượng là sinh viên SKY mà theo khuyến cáo của các bác sĩ là cần hạn chế vận động là cần thiết. Thông qua cơ sở lý luận và các điều kiện thực tiễn, tác giả lựa chọn nghiên cứu bài viết: “*Nghiên cứu xây dựng nội dung môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên sức khỏe yếu Trường Đại học Quy Nhơn*”.

Quá trình nghiên cứu bài viết sử dụng các phương pháp sau: tổng hợp và phân tích tài liệu để hình thành cơ sở lý luận của bài viết, hoàn thiện chương tổng quan các vấn đề nghiên cứu; phỏng vấn giúp xác định, lựa chọn được môn thể thao phù hợp với nhóm sinh viên SKY; quan sát sự phạm để đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực trạng công tác GDTC; toán học thống kê phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu.⁶

Khách thể nghiên cứu: Bài viết tiến hành tổng hợp kết quả khám sức khỏe đầu năm học của 2.829 (868 nam, 1.961 nữ) SV Khóa 45 Trường ĐHQN, xác định được 565 SV SKY (94 nam, 471 nữ) để tiến hành nghiên cứu; Bài viết cũng đã tiến hành phỏng vấn 18 giảng viên Khoa GDTC Trường ĐHQN để xác định nội dung giảng dạy và kiểm nghiệm tính hợp lý của nội dung học phần GDTC cho SV SKY mà bài viết đã xây dựng.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng chương trình học phần GDTC Trường ĐHQN

2.1.1. Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

Bảng 1. Thực trạng cơ sở vật chất giảng dạy và học tập GDTC Trường ĐHQN.

TT	Tên	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hiệu quả sử dụng
1	Nhà tập đa năng	1	6.622	Tốt
2	Sân bóng chuyền	5	2.216	Tốt
3	Sân bóng đá	2	9.127	Tốt
4	Sân bóng rổ	2	680	Tốt
5	Sân cầu lông	9	1.360	Tốt

Bảng 2. Thực trạng trang thiết bị giảng dạy và học tập GDTC tại Trường ĐHQN.

TT	Tên gọi của máy, thiết bị	Nước, năm sản xuất	Số lượng	Hiệu quả sử dụng
1	Lật đập lò xo tập võ	Việt Nam, 2020	2	Tốt
2	Giá tập đập bóng chuyền	Việt Nam, 2013	2	Tốt
3	Nệm lật đập đá - đấm	Việt Nam, 2013	2	Tốt
4	Tập bật đánh đầu	Việt Nam, 2013	5	Tốt
5	Quả bóng chuyền	Việt Nam, 2020	300	Tốt
6	Quả bóng rổ	Việt Nam, 2020	40	Tốt
7	Quả bóng đá	Việt Nam, 2020	150	Tốt

TT	Tên gọi của máy, thiết bị	Nước, năm sản xuất	Số lượng	Hiệu quả sử dụng
8	Ổng cầu lông	Việt Nam, 2020	19	Tốt
9	Vợt cầu lông	Việt Nam, 2020	100	Tốt
10	Địch đá di động	Việt Nam, 2020	5	Tốt
11	Vợt đá	Việt Nam, 2020	20	Tốt

Thông qua quan sát, kiểm tra, đánh giá thực trạng có thể khẳng định cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập trong chương trình học phần GDTC cho sinh viên không chuyên Trường ĐHQN mới đáp ứng được cơ bản về nhu cầu sử dụng hỗ trợ học tập, tập luyện cho sinh viên.

Chính vì vậy, cần có nhiều biện pháp để nâng cao hiệu quả trong việc khai thác tối đa sân bãi dụng cụ và đầu tư mua sắm thêm các trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập môn GDTC.

2.1.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy môn GDTC Trường ĐHQN

Hiện nay có 01 Phó giáo sư, 4 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh, 09 thạc sĩ, 01 cao học đang tham gia công tác giảng dạy tại Khoa GDTC Trường ĐHQN. Điều này cho thấy đội ngũ giảng viên trong Khoa Giáo dục thể chất đều đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học phục vụ cho công tác GDTC trong và ngoài Trường ĐHQN. Tuy nhiên, đối chiếu với Quyết định 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” tỷ lệ sinh viên trên giảng viên của Trường Đại học Quy Nhơn của năm học 2022 - 2023 là 1/728, cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ của Quyết định 2160 là 1/400.

2.1.3. Thực trạng Chương trình học phần GDTC của Trường ĐHQN

Chương trình GDTC của Trường ĐHQN được xây dựng theo hướng tự chọn (chọn 1 trong 7 môn thể thao: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ,

Cầu lông, Võ Karatedo, Võ Taekwondo, Võ cổ truyền Việt Nam), đảm bảo theo quy định của Thông tư số 25/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Học phần được triển khai trong 03 học kỳ, 3 tín chỉ, mỗi tín chỉ 30 tiết.³⁻⁵

Bảng 3. Chương trình học phần GDTC - Trường ĐHQN.

TT	Tên học phần	Phân phối		
		Nội dung	Lý thuyết	Thực hành
1	Giáo dục thể chất 1	Bóng đá 1 Bóng chuyền 1 Bóng rổ 1 Võ cổ truyền Việt Nam 1 Võ Taekwondo 1 Võ Karatedo 1 Cầu lông 1	04	26
2	Giáo dục thể chất 2	Bóng đá 2 Bóng chuyền 2 Bóng rổ 2 Võ cổ truyền Việt Nam 2 Võ Taekwondo 2 Võ Karatedo 2 Cầu lông 2	04	26
3	Giáo dục thể chất 3	Bóng đá 3 Bóng chuyền 3 Bóng rổ 3 Võ cổ truyền Việt Nam 3 Võ Taekwondo 3 Võ Karatedo 3 Cầu lông 3	04	26

Chương trình học phần GDTC gồm 03 học phần; các học phần GDTC 1, GDTC 2 được giảng dạy trong năm học thứ nhất; học phần GDTC 3 được giảng dạy trong học kỳ I năm học thứ 2; Yêu cầu môn học là sinh viên phải hoàn thành học phần GDTC trước đó mới được đăng ký các học phần tiếp theo; Đây là chương trình đại trà cho tất cả sinh viên, chưa phù hợp với các em sinh viên khuyết tật hoặc SKY có nhu cầu được học các học phần thay thế tương ứng.

- Về kiểm tra, đánh giá kết quả môn học: Kiểm tra, đánh giá kết quả môn học theo quy định của chương trình, nội dung kiểm tra phù hợp với các môn thể thao được lựa chọn, được

thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết từng học phần. Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Trong đó: điểm quá trình: 40%; Thi cuối kỳ: 60%.

2.2. Đánh giá thực trạng sức khỏe, thể lực và kết quả môn học GDTC của SV SKY tại Trường ĐHQN

2.2.1. Đánh giá thực trạng sức khỏe của SV SKY tại Trường ĐHQN theo kết quả khám sức khỏe định kỳ

Bảng 4. Kết quả tổng hợp về kiểm tra y tế đầu năm học của nhóm SV SKY Khóa 45 Trường ĐHQN (n = 2.829).

TT	Xếp loại sức khỏe	NAM (n = 868)		NỮ (n = 1961)	
		n	%	n	%
1	1 (Rất khỏe)	60	6,90	55	2,80
2	2 (Khỏe)	287	33,1	468	23,9
3	3 (Trung bình)	273	31,4	616	31,4
4	4 (Yếu)	218	25,1	744	37,9
5	5 (Rất Yếu)	30	3,5	78	4

Bảng 5. Phân loại các loại bệnh của các sinh viên xếp loại sức khỏe nhóm 4, 5 năm 2023 Trường Đại học Quy Nhơn.

TT	Loại bệnh	NAM				NỮ			
		Nhóm 4 (n = 218)		Nhóm 5 (n = 30)		Nhóm 4 (n = 744)		Nhóm 5 (n = 78)	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Mạch nhanh	89	40,8	1	3,3	458	61,5	16	20,5
2	Mạch chậm	1	0,4	1	3,3	1	0,1	0	0
3	Béo phì	70	32,1	5	16,7	58	7,8	1	1,3
4	Nhẹ cân	3	1,4	3	10	48	6,4	16	20,5
5	Tật khúc xạ	54	24,8	10	33,3	258	34,5	36	46,1
6	Sâu răng	19	8,7	2	6,7	117	15,7	12	15,4
7	Mất sức nhai	79	36,2	6	20	196	26,3	8	10,2
8	Viêm mũi	15	6,9	3	10	29	3,9	2	2,5
9	Tật ở chân, tay	2	0,9	3	10	1	0,1	2	2,5

2.2.2. Xác định sinh viên được miễn học các học phần GDTC hoặc tham gia các học phần GDTC dành cho sinh viên SKY

Căn cứ trên kết quả kiểm tra sức khỏe đầu năm, những em có sức khỏe nhóm 4 hoặc nhóm 5 mà theo khuyến cáo của các chuyên gia y tế không nên vận động hoặc hạn chế vận động mạnh, căn

Kết quả cho thấy hầu hết tất cả sinh viên năm nhất đều được đánh giá kiểm tra sức khỏe định kỳ đầu năm học; đối chiếu với Quyết định số 1613/BYT-QĐ ngày 15 tháng 8 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tiêu chuẩn về quy định tiêu chuẩn sức khỏe và phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ cho thấy: thực trạng xếp loại sức khỏe của sinh viên rất đáng báo động, sinh viên thuộc nhóm 1, 2, 3 chỉ chiếm tỷ lệ tương đối, trong khi nhóm sức khỏe nhóm 4 và 5 của cả nam (28,6%) và nữ (41,9%) khá cao.

Căn cứ Bảng 3, ta nhận thấy tỷ lệ sinh viên mắc các tật về mắt và béo phì, nhẹ cân, tật khúc xạ, sâu răng, viêm mũi chiếm đa số, ở đây bài viết chỉ lựa chọn các sinh viên có các tật mạch nhanh, chậm và tật ở chân, tay mà theo khuyến cáo của bác sĩ là hạn chế vận động mạnh, gồm 92 sinh viên nam nhóm 4; 5 sinh viên nam nhóm 5; 460 sinh viên nữ nhóm 4 và 18 sinh viên nữ nhóm 5 là đối tượng bài viết hướng đến để thực hiện nghiên cứu.

cứ Quyết định số 3308/QĐ-ĐHQN ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc ban hành Quy định miễn giảm học phần GDTC, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Trường ĐHQN thành lập Hội đồng sức khỏe sinh viên gồm Phó Hiệu trưởng phụ trách, Lãnh đạo phòng Đào tạo đại học, Lãnh đạo phòng Công tác chính trị và Sinh viên, nhân viên

y tế và Khoa GDTC để xét miễn học học phần GDTC. Riêng với năm 2023, Trường đã quyết định miễn học các học phần GDTC cho 10 sinh viên (7 nữ, 3 nam).

Tóm lại số sinh viên của Trường ĐHQN được miễn các học phần GDTC chiếm tỷ lệ rất ít, số lượng còn lại trong các nhóm sinh viên sức khỏe yếu vẫn phải tham gia các học phần GDTC hiện có là 94 sinh viên nam và 471 sinh viên nữ, khi tham gia các học phần này không phù hợp và rất nguy hiểm đối với sức khỏe các em này. Như vậy, việc xây dựng học phần GDTC phù hợp dành cho sinh viên SKY của Trường ĐHQN là nhân văn, rất phù hợp để các sinh viên SKY có môi trường rèn luyện, học tập để hoàn thiện bản thân.

2.3. Nghiên cứu xây dựng nội dung giảng dạy GDTC cho sinh viên SKY tại Trường ĐHQN

2.3.1. Đánh giá sự phù hợp của nội dung học phần GDTC hiện hành đối với sinh viên SKY Trường ĐHQN

Bảng 6. Kết quả phỏng vấn sự phù hợp của nội dung học phần GDTC hiện hành đối với sinh viên SKY Trường ĐHQN (n = 565).

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		n	%
1	Nhu cầu tập luyện TDTT nâng cao sức khỏe		
	Có (nếu Có, trả lời câu tiếp theo)	565	100
	Không	0	0
2	Chương trình học phần GDTC hiện hành có phù hợp		
	Có	0	0
	Không (nếu không, trả lời câu tiếp theo)	565	100
2	Sẵn sàng tham gia thực nghiệm các nội dung GDTC dành cho SV SKY		
	Có, sẵn sàng	565	100
	Không	0	0

Kết quả tất cả 100% nam, nữ sinh viên SKY đều có nhu cầu tập luyện các nội dung GDTC nâng cao sức khỏe và đánh giá chương trình học phần GDTC hiện hành của Trường ĐHQN không phù hợp để các em tập luyện và sẵn sàng tham gia tập luyện nội dung GDTC dành cho SV SKY. Như vậy, việc tiến hành xây dựng các nội dung GDTC vừa là nâng cao sức khỏe vừa là đáp ứng nhu cầu tập luyện GDTC của nhóm sinh viên SKY tại Trường ĐHQN.

2.3.2. Tổng hợp nội dung môn thể thao phù hợp với sinh viên SKY

Kết quả phỏng vấn nhóm SV SKY cho thấy mức độ ưa thích môn thể thao khác nhau giữa nam và nữ:

- Đối với SV nam có mức độ ưa thích và rất ưa thích đạt 100% ở 3 môn thể thao là: Thể dục, Bóng bàn, Cờ Vua (những môn thể thao còn lại đều có mức đánh giá dưới 70%).

- Đối với SV nữ mức độ ưa thích và rất ưa thích đạt tập trung vào 2 môn là: Bóng bàn và Cờ Vua.

Sau khi đánh giá được mức độ ưa thích môn thể thao của nhóm SV SKY tại Trường ĐHQN, bài viết tiến hành phỏng vấn 20 chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên GDTC về tầm quan trọng và mức độ phù hợp của các môn thể thao SV ưa thích để đưa vào nội dung giảng dạy GDTC. Cách thức phỏng vấn theo 3 mức rất phù hợp, phù hợp và không phù hợp. Kết quả 100% các chuyên gia được phỏng vấn hoàn toàn đồng ý việc xây dựng nội dung môn học GDTC cho SV SKY Trường ĐHQN và lựa chọn môn Cờ Vua là môn học phù hợp với điều kiện của Nhà trường để đưa vào giảng dạy cho sinh viên SKY.

Bài viết đã xây dựng Đề cương chi tiết học phần GDTC cho sinh viên SKY tại Trường ĐHQN bao gồm 03 tín chỉ, mỗi tín chỉ 30 tiết khoa học, phù hợp với quỹ thời gian và điều kiện thực tiễn của Nhà trường, bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của các sinh viên SKY.

2.3.3. Xây dựng nội dung học phần GDTC – Cờ Vua cho SV SKY

Các nội dung dự kiến đưa vào giảng dạy trong chương trình học phần GDTC – Cờ Vua dành cho sinh viên SKY Trường ĐHQN:⁷

- Giới thiệu môn Cờ Vua: Vị trí, vai trò môn Cờ Vua; Cấu trúc môn học; Yêu cầu môn học.

- Lịch sử, xu thế phát triển và tác dụng môn Cờ Vua: Lịch sử phát triển môn Cờ Vua trên thế giới; Lịch sử phát triển môn Cờ Vua ở Việt Nam; Xu hướng phát triển môn Cờ Vua; Tác dụng của môn Cờ Vua.

- Luật Cờ Vua: Bản chất và mục đích của một ván cờ; Các nhân tố trên bàn cờ; Cách thức di chuyển quân; Quyền đi quân, nước đi và hoàn thành nước đi; Ký hiệu ghi chép các nước đi, cách thức ghi biên bản; Một số ký hiệu ghi chép trận đấu; Quyền đi quân, nước đi và hoàn thành nước đi; Ký hiệu ghi chép các nước đi, cách thức ghi biên bản; Một số ký hiệu ghi chép trận đấu; Nhập thành; Bắt tốt qua đường; Phong cấp tốt; Chiêu vua; Kết thúc ván cờ khi đối thủ chiếu hết vua; Một số trường hợp hòa cờ; Các thuật ngữ trong Cờ Vua; Giá trị tương đối của các quân cờ; Các giai đoạn của ván cờ; Cờ thế.

Các nội dung này được truyền tải xen kẽ với các nội dung thực hành và bố trí phù hợp với các nguyên tắc xây dựng nội dung môn học và các quy định về pháp lý khi xây dựng chương trình của Nhà trường.

2.4. Đánh giá tính phù hợp và khả thi của nội dung học phần GDTC cho SV SKY

Để đánh giá tính phù hợp và tính khả thi của nội dung học phần GDTC cho SV SKY đã xây dựng, Bài viết tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi 2 nhóm đối tượng là nhóm sinh viên SKY và các giảng viên tại Khoa GDTC, Trường Đại học Quy Nhơn.

Bảng 7. Kết quả phỏng vấn SV SKY về tính phù hợp và tính khả thi của nội dung học phần GDTC – Cờ Vua cho sinh viên SKY (n = 565).

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		n	%
1	Môn Cờ Vua mà Bài viết lựa chọn có phù hợp với đối tượng là SV SKY Trường Đại học Quy Nhơn		
	Rất phù hợp	480	85
	Phù hợp	85	15
	Không phù hợp	0	0
2	Anh (chị) có đồng ý lựa chọn môn Cờ Vua là môn học GDTC		
	Đồng ý	565	100
	Không đồng ý	0	0
3	Bài viết xây dựng nội dung môn học GDTC để giảng dạy cho đối tượng là SV SKY có tính khả thi	565	100
	Rất khả thi	480	85
	Khả thi	85	15
	Không khả thi	0	0

Bảng 8. Kết quả phỏng vấn giảng viên Khoa GDTC về tính phù hợp và khả thi của nội dung học phần GDTC – Cờ Vua cho sinh viên SKY (n = 18).

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		n	%
1	Môn Cờ Vua mà Bài viết lựa chọn có phù hợp với đối tượng là SV SKY Trường Đại học Quy Nhơn		
	Rất phù hợp	15	83
	Phù hợp	3	17
	Không phù hợp	0	0
2	Đề cương chi tiết mà Bài viết xây dựng có phù hợp		
	Rất phù hợp	18	100
	Phù hợp	0	0
	Không phù hợp	0	0
3	Các nội dung giảng dạy mà bài viết lựa chọn có phù hợp để đạt được các chuẩn đầu ra học phần		
	Rất phù hợp	15	83
	Phù hợp	3	17
	Không phù hợp	0	0
4	Phương pháp kiểm tra đánh giá có đánh giá được chuẩn đầu ra của học phần		
	Rất phù hợp	18	100
	Phù hợp	0	0
	Không phù hợp	0	0

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		n	%
5	Bài viết xây dựng nội dung môn học GDTC để giảng dạy cho đối tượng là SV SKY có tính khả thi		
	Rất khả thi	18	100
	Khả thi	0	0
	Không khả thi	0	0

Kết quả bảng cho thấy tất cả các sinh viên, giảng viên được phỏng vấn đều đánh giá nội dung học phần GDTC cho SV SKY mà bài viết lựa chọn xây dựng là phù hợp và có tính khả thi trên đối tượng là SV SKY, nội dung và phương pháp đánh giá học phần khoa học, đánh giá được chuẩn đầu ra của học phần.

3. KẾT LUẬN

Trường ĐHQN đã thực hiện chương trình giảng dạy các học phần trong chương trình GDTC cho sinh viên theo hướng tự chọn, người học được chọn các môn thể thao yêu thích, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở chương trình đại trà cho tất cả sinh viên, chưa phù hợp với các đối tượng sinh viên khác nhau.

Bài viết đã xác định được nhóm đối tượng sinh viên sức khỏe yếu để tham gia các học phần GDTC cho sinh viên SKY gồm các sinh viên khi khám sức khỏe đầu năm học tại Trường ĐHQN hoặc có xác nhận của các cơ quan y tế có thẩm quyền bị tật mạch nhanh hoặc chậm và các sinh viên bị tật về chân, tay mà theo khuyến cáo của các bác sĩ là cần hạn chế vận động hoặc vận động nhẹ mà không được Nhà trường miễn học các học phần GDTC không chuyên. Qua tổng hợp kết quả khám sức khỏe đầu năm học của Trường Đại học Quy Nhơn Bài viết đã xác định được 565 sinh viên (94 nam, 471 nữ) để tham gia các học phần GDTC cho sinh viên SKY gồm các sinh viên khi khám sức khỏe bị tật mạch nhanh hoặc chậm và các sinh viên bị tật về chân, tay mà theo khuyến cáo của các bác sĩ là cần hạn chế vận động hoặc vận động nhẹ.

Qua đánh giá nhu cầu tập luyện của các sinh viên SKY và phỏng vấn các chuyên gia,

nhà khoa học, Bài viết đã lựa chọn môn Cờ Vua là môn thể thao không có những hoạt động vận động mạnh, phù hợp với đối tượng sinh viên SKY và xây dựng đề cương chi tiết để đề xuất giảng dạy cho đối tượng sinh viên SKY của Trường Đại học Quy Nhơn. Đề cương bám sát các quy chế, quy định hiện hành của Nhà trường, được thực hiện trong 3 học kỳ, mỗi học kỳ 30 tiết, chia làm 15 tuần. Nội dung vừa có lý thuyết, vừa có thực hành, ngoài ra còn rèn luyện tính tự giác, tích cực, tự học của sinh viên. Việc kiểm tra, đánh giá bao quát hết các nội dung được học, đánh giá được trình độ của người học.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ bài viết khoa học công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Quy Nhơn với mã số T2023.818.28.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. N. Toán, P. D. Tôn. *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2006.
2. L. V. Lắm, P. X. Thành. *Giáo trình thể dục thể thao trường học*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2008.
3. N. T. Hùng. *Xây dựng chương trình giáo dục thể chất học phần tự chọn, ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh, 2017.
4. N. V. Hòa. *Cải tiến chương trình giảng dạy các môn thể thao tự chọn cho sinh viên không chuyên Trường Đại học Cần Thơ*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh, 2017.
5. T. H. Quang. *Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất cho Trường Đại học Bách Khoa*, Luận án tiến sĩ, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội, 2019.
6. N. X. Sinh, L. V. Lắm, P. N. Viễn, L. Q. Hiệp. *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 1999.
7. L. V. Tiền, N. V. Tri. *Giáo trình Cờ Vua*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2010.



© 2024 by the authors. This Open Access Article is licensed under the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0) license (<https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/>).

<https://doi.org/10.52111/qnjs.2024.18406>